

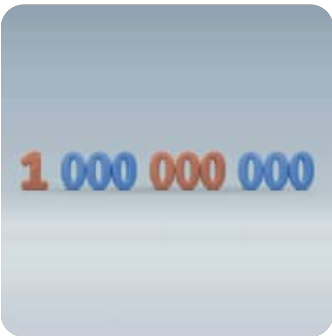
 số không	 một	one Tôi có một quả táo. I have one apple. Lesson 7 · Numbers	zero Số không nhỏ hơn một. Zero is less than one. Lesson 7 · Numbers
 hai	 ba	three Không, ba là quá nhiều. No, three is too much. Lesson 7 · Numbers	two Có hai con mèo. There are two cats. Lesson 7 · Numbers
 bốn	 năm	five Tôi có năm con chó. I have five dogs. Lesson 7 · Numbers	four Cho tôi bốn cái, làm ơn. Give me four, please. Lesson 7 · Numbers
 sáu	 bảy	seven Tôi đang chạy bảy ki-lô-mét. I am running seven kilometers. Lesson 7 · Numbers	six Anh ấy đi cùng sáu người bạn. He came with six friends. Lesson 7 · Numbers

 tám	 chín	nine Chín là con số may mắn của tôi. Nine is my lucky number. Lesson 7 · Numbers	eight Một con nhện có tám cái chân. A spider has eight legs. Lesson 7 · Numbers
 mười	 cộng	plus Hai cộng hai bằng bốn. Two plus two is four. Lesson 7 · Numbers	ten Chúng ta có mười ngón tay. We have ten fingers. Lesson 7 · Numbers
 mười một	 mười hai	twelve Có mười hai quả trứng trong một hộp. There are twelve eggs in a carton. Lesson 20 · Numbers 11–100	eleven Tôi luôn lấy mười một cái. I always get eleven pieces. Lesson 20 · Numbers 11–100
 mười ba	 mười bốn	fourteen Tòa nhà chung cư này có mười bốn tầng. The apartment has fourteen floors. Lesson 20 · Numbers 11–100	thirteen Số mười ba là con số không may mắn. The number thirteen is unlucky. Lesson 20 · Numbers 11–100

 mười lăm	 mười sáu	sixteen Cái đó gấp mười sáu lần! That is sixteen times more! Lesson 20 · Numbers 11–100	fifteen Tôi mở sách ra trang mười lăm. I open the book at page fifteen. Lesson 20 · Numbers 11–100
 mười bảy	 mười tám	eighteen Nó cao mười tám mét. It is eighteen meters high. Lesson 20 · Numbers 11–100	seventeen Chúng tôi có mười bảy cái bút chì. We have seventeen pencils. Lesson 20 · Numbers 11–100
 mười chín	 hai mươi	twenty Cô ấy cần hai mươi quả táo nhỏ. She needs twenty small apples. Lesson 20 · Numbers 11–100	nineteen Mười chín là con số yêu thích của tôi. Nineteen is my favourite number. Lesson 20 · Numbers 11–100
 ba mươi	 trăm	hundred Anh ấy đã đếm đến một trăm. He counted to one hundred. Lesson 20 · Numbers 11–100	thirty Anh ấy ba mươi tuổi. He is thirty years old. Lesson 20 · Numbers 11–100

 bốn mươi	 năm mươi
 sáu mươi	 bảy mươi
 tám mươi	 chín mươi
 nghìn	 triệu

fifty Anh ấy có năm mươi đô la. He has fifty dollars. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers	forty Cô ấy có tổng cộng bốn mươi chiếc bút chì. She has forty pencils in total. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers
seventy Ông tôi bảy mươi tuổi. My grandpa is seventy years old. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers	sixty Ông John sáu mươi tuổi. John is sixty years old. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers
ninety Anh ấy có chín mươi cuốn sách để đọc. He has ninety books to read. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers	eighty Tôi có tám mươi gam đường. I have eighty grams of sugar. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers
million Chiếc ô tô đó có giá một triệu đô la. That car costs a million dollars. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers	thousand Một nghìn là một con số lớn. A thousand is a big number. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers

 một nửa	 một phần tư	quarter Chỉ còn lại một phần tư trong số đó. There is only a quarter of them left. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers	half Anh ấy đã ăn một nửa cái bánh pizza. He ate half the pizza. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers
 tá	 đôi	pair Đôi giày đó sạch. That pair of shoes is clean. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers	dozen Tôi mua một tá trứng ở cửa hàng. I buy a dozen eggs at the store. Lesson 21 · Numbers — Tens & Big Numbers
 thập kỷ	 thế kỷ	century Người đàn ông đó đã sống được một thế kỷ. The man lived for a century. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond	decade Anh ấy đã học trong một thập kỷ. He studied for a decade. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond
 tỷ	 phần trăm	percent Người nông dân giữ lại mười phần trăm. The farmer kept ten percent. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond	billion Đất nước này có một tỷ dân. The country has one billion people. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond

 gấp đôi	 tăng gấp ba	triple Giá bánh mì sẽ tăng gấp ba. The price of bread will triple. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond	double Người thương nhân đã tăng giá lên gấp đôi. The merchant doubled the price. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond
 vài	 ít	few Ít người sống ở đây. Few people live here. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond	several Chúng tôi đã thấy vài con chim. We saw several birds. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond
 nhiều	 nhiều	plenty Chúng tôi có nhiều đồ ăn. We have plenty of food. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond	many Tôi thấy nhiều con chim. I see many birds. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond
 tổng	 lượng	amount Anh ấy đã đo lượng nước. He measured the amount of water. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond	total Tôi cần biết tổng cuối cùng. I need the final total. Lesson 85 · Numbers — Bigger & Beyond